

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

BÁO CÁO, PHỤ LỤC
TỰ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

BÁO CÁO, PHỤ LỤC

**TỰ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

Số: 39/BC-TH

Nam Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023**

I. Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):

1. Thuận lợi:

- Lãnh đạo nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác chuyển đổi số, do đó đến thời điểm hiện tại tại nhà trường đã có cơ sở hạ tầng bước đầu đã đáp ứng được phần nào cho công tác chuyển đổi số:

+ Số máy tính, máy in phục vụ công tác phục vụ công tác quản lý, hành chính:
Máy tính: 05 cái, Máy in: 03 cái

+ Một phòng máy tính bàn gồm 05 máy để phục vụ cho bộ môn tin học

+ Hệ thống Internet: 2 đường mạng của hai nhà mạng Viettel và VNPT; 05 modem phát wifi; Các phòng học chính đều được lắp đặt tivi.

+ 100% giáo viên đều có laptop cá nhân để phục vụ cho việc dạy học.

2. Khó khăn:

- Nhiều cá nhân chưa đáp ứng được kỹ năng công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng về CNTT chưa đáp ứng được toàn diện. Máy tính cho học sinh thực hành ít (có 1 phòng 05 máy/114 HS lớp 3/531 học sinh toàn trường)

II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Nhà trường đã triển khai văn bản của các cấp như: Công văn 217/SGDĐT-VP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số và Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 28/2/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về Kế hoạch triển khai thực hiện 09/NQ/TU ngày 01/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đắk Song; Kế hoạch số: 211/KH-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo" giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 74/KH-PGDĐT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Phòng GD&ĐT huyện Đắk Song về Chuyển đổi số của ngành Giáo dục huyện Đắk Song giai đoạn 2022 - 2025 định hướng đến năm 2030.

- Bên cạnh đó nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 19a/KH-TH ngày 22 tháng 9 năm 2022 về công tác chuyển đổi số và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại trường TH Tô Hiệu.

2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

- Website của nhà trường đã hoạt động hiệu quả, cụ thể: Lướt truy cập tính đến thời điểm ngày 15 tháng 5 năm 2023 là 2021 lượt. Đã đăng nhiều bài viết.

- Các kế hoạch của chi bộ, của nhà trường, của chuyên môn và các tổ chức trong nhà trường, cũng như hồ sơ cá nhân đều được đăng tải trên Website, Google drive và đã được tạo mã QR để tiện lợi trong việc thực hiện cũng như giám sát.

- Tất cả các tài liệu chế độ hội họp, hội nghị đều được số hóa (tạo mã QR) để tránh lãng phí về công tác in ấn.

- Tài liệu ôn tập giữa kỳ, cuối kỳ, lịch thi... đều được đăng tải trên trang Web và được chia sẻ liên kết đến tất cả nhóm các em học sinh.

- Song song với việc sử dụng Website thì nhà trường vẫn đang thực hiện tốt duy trì việc ứng dụng hệ thống VNA-elearning, Vnedu...trong công tác truyền thông cũng như trong công tác dạy và học.

3. Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

Nội dung	Trả lời		Ghi chú
3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá			
Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:			
Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS)	Có		Một số bộ môn
Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính			HS tham gia thi trên Internet
Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu?	Hơn 100		
Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: học liệu	Khoảng 10		
3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục			
Triển khai phần mềm quản trị trường học	Có		
Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	Có		
Triển khai chữ ký số	Có		Chỉ có lãnh đạo
Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: giáo viên	0		
Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình	Có		Chưa đồng bộ

thức không dùng tiền mặt			
3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			
Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh	Có		
Có phòng phát triển học liệu (phòng studio)		Không	
Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725	Mức 2		
3.4. Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL			
Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng		
Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng		
3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Số lượng	Tỉ lệ	
-Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến	27/27	100%	
Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số	2/27	7,4%	Video bài giảng
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị	8/27	29,6%	
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin	27/27	100%	

STT	Nhóm tiêu chí	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)		Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2)		Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyển đổi số trong dạy, học			7	100		
2	Chuyển đổi số trong quản trị CSGD			2	100		

4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

- Tất cả các tài liệu chế độ hội họp, hội nghị đều được số hóa (tạo mã QR) để tránh lãng phí về công tác in ấn.

- Ban quản trị Website của trường đẩy mạnh CNTT, tuyên truyền thông qua các hội nghị, cuộc thi để nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động tại đơn vị.

- Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ giáo viên thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy, sử dụng các phần mềm trong nhà trường.

- Giáo viên sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT trong đổi mới PPDH, khai thác các thiết bị CNTT, phần mềm, dạy học kết nối...

- Nhân rộng các cá nhân có kỹ năng tốt bồi dưỡng, hướng dẫn cho đồng nghiệp trong việc sử dụng CNTT.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Để đảm bảo trang thông tin điện tử của đơn vị hoạt động có hiệu quả thì cần có cơ chế hoạt động phù hợp, nguồn kinh phí để hỗ trợ các thành viên tham gia. Đồng thời, cần có thêm các hoạt động hướng dẫn, các chương trình, lớp tập huấn để giúp các thành viên nâng cao kỹ năng số phục vụ cho nhiệm vụ được giao...

- Nâng cấp hạ tầng cơ sở liên quan đến công nghệ thông tin. Cần có thêm 1 phòng máy tính cho học sinh thực hành.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Cường



BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

St t	Nội dung	Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)													
		Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)							Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)				Điểm Dạy học	Điểm Quản trị	Tổng
	Tên đơn vị	1.1 (có/không)	1.2 (có/không)	1.3 (30 đ)	1.4 (10đ)	1.5 (20đ)	1.6 (20 đ)	1.7 (20đ)	2.1 (có/khôn g)	2.2 (có/khôn g)	2.3 (70 đ)	2.4(30đ)			
1	Trường	có	có	10	4	8	20	13	có	có	36	18	55	54	109

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đề cương minh chứng theo công văn số 295/PGD&ĐT ngày 04/5/2023 của Phòng GD&ĐT huyện Đắk Song

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm đơn vị tự chấm	Ghi chú, minh chứng
	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			Điều kiện bắt buộc	
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng)
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến					Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm	10	https://olm.vn/truong-hoc/truong-tieu-hoc-to-hieu . Hệ thống phần mềm OLM
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm		

	<p>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</p> <p>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</p> <p>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</p> <p>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.</p>					
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<p>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</p> <p>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</p>	<p>Mức độ 1: dưới 4 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 7 điểm</p>	4	https://mevzeaszusitessgddaknong.vn/edu.vn/
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	<p>Mức độ 1: dưới 8 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 14 điểm</p>	8	Học sinh tham gia thi IOE, VyOlympic
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm			
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số:	20	<30%: tối đa 2 điểm;	Mức độ 1: dưới 8 điểm	8	100%

	- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		30%-60%: <i>tối đa 4 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 7 điểm</i>	Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: <i>tối đa 2 điểm</i> ; 30%-60%: <i>tối đa 4 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 7 điểm</i>		7	100%
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: <i>tối đa 2 điểm</i> ; 30%-60%: <i>tối đa 4 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 6 điểm</i>		5	90%
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: <i>tối đa 2 điểm</i> ; 20%-60%: <i>tối đa 5 điểm</i> ; >60%: <i>tối đa 8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	8	73%
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		<i>Mức độ 1: tối đa 2 điểm</i> ;		5	

			Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm			
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm			
					55 điểm	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100				
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc	Nhà trường thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	36	http://cltohieu.pgddaksong.edu.vn/ Quy chế
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		6	https://truong.cSDL.moet.gov.vn/ CSDL

	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>		0	Chưa triển khai
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 6 điểm</i>		6	https://truong.csdل.moet.gov.vn/ CSDL
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>		6	https://truong.csdل.moet.gov.vn/ CSDL
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 10 điểm</i>		6	https://truong.csdل.moet.gov.vn/ CSDL
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>		6	Có phần mềm Kế toán
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>		6	https://truong.csdل.moet.gov.vn/ CSDL
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	<i>Tối đa 8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	4	Qua nhóm Zalo, trang Web của nhà trường, nhóm Fb của nhà trường

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến		<i>Tối đa 12 điểm</i>		6	Thông báo tuyển sinh qua nhóm Zalo, trang Web của nhà trường, nhóm Fb của nhà trường
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>		8	Đã triển khai quét mã QR-Số tài khoản của nhà trường 5305201052268
				54 điểm	
				109/200 điểm	

